

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Mạnh Quyết.
- Ông Nguyễn Hồng Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 2001.

Hộ khẩu thường trú: Ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: X ấp PN, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Do quen biết nên bà N và ông B đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 10/02/2021 âm lịch đến ngày 02/4/2021 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML. Sau khi cưới thì vợ chồng bà sống chung với gia đình ông B, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không lo làm ăn, chơi bời từ đó vợ chồng cãi vã. Từ ngày 21/7/2022 thì bà N cùng con trai Nguyễn

Minh K về nhà cha mẹ ruột ở ấp PN, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre sống cho đến nay. Quá trình chung sống bà và ông B có 01 người con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2021.

Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông B, hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

Về con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2021 hiện đang sống với bà N ổn định, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K, không yêu cầu ông B cấp dưỡng, do bà N có đi làm công ty thu nhập bình quân 07 (bảy) triệu đồng/tháng đủ chi phí để trang trải nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn B không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Nguyễn Tấn B vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Kim Thoa – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2021 cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Nguyễn Thị Tuyết N cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao căn cước công dân, sổ hộ khẩu của bà N; Xác nhận thông tin về nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn B. Ông B cư trú tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã ML xác nhận ông Nguyễn Tấn B có đăng

ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông B, ông B đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông B.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, thấy rằng: Bà N và ông B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ML, huyện TT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/4/2021 nên hôn nhân của bà N và ông B là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không lo làm ăn, chơi bời từ đó vợ chồng cãi vã. Từ ngày 21/7/2022 thì bà N cùng con trai Nguyễn Minh K về nhà cha mẹ ruột ở ấp PN, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre sống cho đến nay. Từ đó đến nay bà N và ông B không gặp nhau, bà cũng không có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông B. Về phía ông B, từ khi bà N nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N nhưng ông B cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông B không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà N đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà N và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2021 hiện đang sống với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện cháu K đang sống với bà N, cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường, khả năng bà N có thể chăm sóc con chung tốt. Ông B đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà N nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu K cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con do đó ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Tấn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Tấn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHA huyện Thủ Thừa;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân